**Tuần: 3**

 Môn: TV(HV)

 Tên bài: **b, bễ**

 Tiết: 27, 28

 Ngày dạy: Ngày 19 tháng 9 năm 2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết âm và chữ cái b; nhận biết thanh ngã, dấu ngã; đánh vần, đọc đúng tiếng có b (mô hình “âm đầu + âm chính”, “âm đầu + âm chính + thanh”): bê, bễ.

- Nhìn hình, phát âm, tự phát hiện được tiếng có âm b, có thanh ngã.

- Đọc đúng bài Tập đọc Ở bờ đê.

- Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng và chữ số: b, bễ; 2, 3.

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu động vật.

- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

\*GV: SGK, SGV, bộ chữ, tranh ảnh, vật thực ,bảng cài,

 \* HS: Bảng con, SGK, phấn, bút, vở Bài tập Tiếng Việt 1- tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động mở đầu: (3 phút)**  |  |
| - HS hát | - HS hát |
| - Giới thiệu bài: Hôm nay các em sẽ học bài về âm **b** và chữ **b**; thanh ngã và dấu ngã – chữ **bễ** | - HS theo dõi |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (14 phút)** |  |
| **Hoạt động 1: Khám phá**  |  |
|  **2.1 Dạy âm b và chữ cái b** |  |
| - GV đưa tranh con bê lên bảng - Đây là con gì?- GV chỉ tiếng **bê**- GV nhận xét | - HS quan sát- HS trả lời- HS nhận biết **b, ê = bê**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **bê** |
| ***\* Phân tích*** |  |
| - GV viết bảng chữ **bê** và mô hình chữ **bê**- GV chỉ tiếng **bê** và mô hình tiếng **bê**

|  |
| --- |
| **bê** |
| **b** | **ê** |

- GV hỏi: Tiếng **bê** gồm những âm nào? | - Theo dõi- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **bê** gồm có âm **b** đứng trước và âm **ê** đứng sau. |
| ***\* Đánh vần.***- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay ( như hướng đẫn SGV)- GV cùng học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***bờ-ê-bê*** | - Quan sát và cùng làm với GV- HS làm và phát âm cùng GV.- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***bờ-ê-bê***- Cả lớp đánh vần: ***bờ-ê-bê*** |
| ***2.2. Tiếng bễ*** |  |
| - GV đưa tranh cái bễ lên bảng - GV chỉ vào ảnh cái bễ (lò rèn)- GV rút tiếng **bễ**. Giới thiệu đây là tiếng **bễ**.- Tiếng bễ khác bê ở điểm nào?- GV: đó là dấu ngã- GV đọc : **bễ** | - HS quan sát- HS quan sát trả lời: Tiếng bễ khác tiếng bê là có thêm dấu- HS nhận biết **bễ**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **bễ** |
| ***\* Phân tích*** |  |
| - GV viết bảng chữ **bễ** và mô hình chữ **bễ****˜**- GV chỉ tiếng **bễ** và mô hình tiếng **bễ**

|  |  |
| --- | --- |
| **b** | **ê** |

- GV hỏi: Tiếng **bễ** gồm những âm nào? | - Theo dõi- HS trả lời nối tiếp: Tiếng **bê** gồm có âm **b** và âm **ê** và thanh ngã. Âm **b** đứng trước và âm **ê** đứng sau. |
| ***\* Đánh vần.***- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay ( như sách hướng dẫn)- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***bờ-ê-bê -ngã –bễ*** | - Quan sát và cùng làm với GV- HS làm và phát âm cùng GV- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***bờ-ê-bê-ngã- bễ***- Cả lớp đánh vần: ***bờ-ê-bê-ngã- bễ, bễ*** |
| ***\* Củng cố:*** - Các em vừa học chữ mới là chữ gì?- Các em vừa học tiếng mới là tiếng gì?- GV chỉ mô hình tiếng **bê,bễ** | - Chữ **b**- Tiếng **bê**- HS đánh vần, đọc trơn : ***bờ-ê-bê, bê ; bờ-ê-bê-ngã- bễ*** |
| **3. Hoạt động luyện tập: (15 phút)** |  |
| ***3.1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Tiếng nào có âm b (bờ)*** |  |
| *a. Xác định yêu cầu.*- GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 24 (GV giơ sách mở trang 24 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có âm **b**. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có âm **b.** | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 24. |
| *b. Nói tên sự vật*- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *bò, lá, bàn, búp bê, bóng, bánh*- HS nói đồng thanh |
| *d. Báo cáo kết quả.*- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | + HS1 chỉ hình 1- HS2 nói : **bê** có âm **b**(Các hình còn lại tương tự) |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.- HS nói (bố, bé, bế,...) |
| ***3.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Tiếng nào có thanh ngã.*** |  |
| *a. Xác định yêu cầu.*- GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 25 (GV giơ sách mở trang 25 cho HS quan sát) rồi nói to tiếng có thanh ngã. Nói thầm (nói khẽ) tiếng không có thanh ngã. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 25. |
| *b. Nói tên sự vật*- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật, hoạt động.- GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật*d. Báo cáo kết quả.*- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *vẽ, đũa, quạ, sữa, võ, nhãn*- HS nói đồng thanh- Từng cặp HS báo cáo |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có âm ê (Hỗ trợ HS bằng hình ảnh) | - HS cả lớp nối hình với thanh ngã tương ứng.- HS nói (ngã, kẽ, dễ,...) |
| ***3.2. Tập đọc. (Bài tập 4)***  |  |
| ***a. Giới thiệu bài*** |  |
| - GV đưa 3 hình ảnh bài tập đọc lên bảng- GV hỏi đây là hình ảnh những con vật gì? | - HS theo dõi, quan sát- HS quan sát và trả lời |
| - GV : Bài đọc nói về con dê, con dế, con bê ở bờ đê. - GV chỉ từng hình mời học sinh nói tên các con vật. | - HS theo dõi- HS nêu tên ác con vật |
|  |  |
| ***b. Đọc mẫu.*** |  |
| - GV đọc mẫu 1-2 lần | - HS nghe |
| ***c. Luyện đọc từ ngữ.*** |  |
| - GV chỉ các từ *bờ đê, la cà, có dế, có cả bê, be be* trong bài đọc trên bảng- GV giải nghĩa các từ:+ Bờ đê, La cà, Be be  | - HS đánh vần, đọc trơn các từ GV chỉ - Lắng nghe |
| **Tiết 2** |
| ***3.2. Tập đọc (tiếp) (21 phút)*** |  |
| ***d. Luyện đọc từng câu, từng lời dưới tranh.***- GV chỉ từng câu và giới thiệu: Bài đọc có 3 tranh và 4 câu (tranh 3 có 2 câu)- GV đánh số thứ tự từng câu trong bài trên bảng.- GV chỉ từng hình đọc mẫu từng câu- GV chỉ chậm từng tiếng trong tên bài- GV chỉ chậm từng tiếng trong câu dưới tranh để HS đọc theo- GV cho HS đọc - GV chỉ vài câu theo thứ tự đảo lộn | - HS đếm số câu theo sự chỉ dẫn của GV.- HS theo dõi- HS theo dõi- HS đọc (cá nhân-cả lớp).- HS đọc (cá nhân-cả lớp).- HS đọc tiếp nối theo nhóm, cặp:+ Từng HS tiếp nối nhau đọc từng lời dưới tranh.+ 3 cặp HS tiếp nối đọc lời dưới 3 bức tranh.- Một vài HS đọc |
| ***e. Thi đọc cả bài.*** |  |
| - Cho HS làm việc nhóm đôi | - Từng cặp nhìn SGK cùng luyện đọc  |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp, tổ. | - Từng cặp lên thi đọc cả bài |
| - GV cùng học sinh nhận xét | - HS lắng nghe |
| ***g. Tìm hiểu bài đọc*** |  |
| - GV cho HS tìm hiểu nội dung bài đọc qua 1 số câu hỏi gợi ý:+ Con gì la cà ở bờ đê?+ Dê gặp những con gì?+ Con bê kêu thế nào? | - Lắng nghe và trả lời câu hỏi:+ Con dê la cà ở bờ đê.+ Dê gặp con dế, con dê.+ Con dê kêu “be be”. |
| \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 11 | \* Cả lớp nhìn SGK đọc  |
| ***2.4. Tập viết (Bảng con – BT 5) (10 phút)*** |  |  |
| - Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 5 | - HS đọc (cá nhân-tập thể) |
| ***a. Viết : b, bê, bễ*** |  |
| - HS đọc các chữ cần viết: **b,bê, bễ** - GV giới thiệu mẫu chữ viết thường **b,bê, bễ** cỡ vừa. | - HS đọc |
| -GV vừa viết mẫu từng chữ và tiếng trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết. | - HS theo dõi- HS theo dõi |
| ***b. Viết : 2, 3*** |  |
| - GV giới thiệu mẫu số **2, 3** cỡ vừa.- GV chỉ bảng số **2, 3** | - HS theo dõi- HS đọc |
| - GV vừa viết mẫu từng chữ số trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết | - HS theo dõi |
| - HS viết bảng con: chữ **bê, bễ,** số **2, 3**- GV nhận xét bài viết học sinh | - HS viết b/con- HS tham gia nhận xét |
|  |  |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (4 phút)**- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài 12- GV khuyến khích HS tập viết chữ **b, ê** trên bảng con | - Lắng nghe |

 **IV. Điều chỉnh sau bài học:**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………